

Số: 3074 /STC-QLNS  
Về xây dựng dự toán thu chi ngân  
sách nhà nước năm 2024

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế

Thực hiện Chỉ thị số Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026; ý kiến của UBND tỉnh tại công văn số 7566/UBND-TC ngày 24/7/2023 về triển khai Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính (*văn bản có gửi các địa phương*), Sở Tài chính đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế (gọi chung là huyện) tổ chức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024 của cấp mình theo các văn bản nói trên và quy định của Luật NSNN.

Quá trình xây dựng dự toán năm 2024, Sở Tài chính lưu ý thêm một số nội dung sau:

**I. Đánh giá tình hình thực hiện thu NSNN năm 2023 và xây dựng dự toán thu NSNN năm 2024:**

**1. Đánh giá kết quả thu ngân sách nhà nước năm 2023:**

Thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN, quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí và các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN của cấp có thẩm quyền; không đánh giá vào thu NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện.

Căn cứ kết quả thực hiện thu NSNN 8 tháng đầu năm, đánh giá, phân tích các yếu tố tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2023; dự báo kết quả thực hiện thu NSNN năm 2023, trong đó:

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/1/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán NSNN tỉnh năm 2023;

- Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực;

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ;

- Tình hình thu tiền sử dụng đất theo pháp luật về đất đai;
- Tình hình thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế.
- Tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2023 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

## 2. Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2024:

Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng theo đúng các quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế và các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật khác có liên quan, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN.

Phần đầu dự toán thu năm 2024 không kể thu tiền sử dụng đất tăng khoảng 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách) trên cơ sở tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế.

Yêu cầu lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2024 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế; tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh, các dự án hết thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp); đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN, trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2023, những đặc thù của năm 2024 và số kiểm tra dự toán thu năm 2024 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

## II. Đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương (NSDP) năm 2023 và xây dựng dự toán năm 2024:

### 1. Tình hình thực hiện chi NSDP năm 2023:

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách huyện; việc thực hiện Quy định tổ chức thực hiện dự toán NSNN địa phương năm 2023 theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh:

#### a) Chi đầu tư phát triển:

- Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh, nguồn chi đầu tư phát triển theo phân cấp (đối với thành phố Huế và thị xã Hương Trà, Hương Thủy): Tình hình giải ngân đến 30/9/2022, dự kiến khối lượng thực hiện và ước thực hiện năm 2023 (chi tiết từng dự án);

- Tình hình thực hiện dự toán chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo các lĩnh vực (các dự án giải phóng mặt bằng; hạ tầng cơ sở các khu tái định cư và hạ tầng quỹ đất để bán đấu giá; hạ tầng giao thông; xây dựng trường học; xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị và trụ sở công an xã);

- Tình hình quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành (tổng số dự án đã quyết toán, số đang thẩm tra quyết toán đến 30/9; số dự án sẽ thực hiện hoàn thành đến hết năm 2023; kinh phí giảm trừ và hủy bỏ sau quyết toán).

b) Chi thường xuyên:

Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán năm 2023, thực hiện dự toán chi thường xuyên 9 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2023 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao. Bên cạnh việc đánh giá các nhiệm vụ chi theo dự toán, tập trung làm rõ các nhiệm vụ chi phát sinh phòng chống thiên tai, đảm bảo quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội và các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh (chi tiết theo mục tiêu, bao gồm số bổ sung trong dự toán đầu năm và bổ sung ngoài dự toán): tình hình giải ngân đến 30/9/2023, ước thực hiện năm 2023; kinh phí chưa sử dụng còn tồn cuối năm nộp trả ngân sách tỉnh (nếu có);

- Tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2023 theo từng chính sách, có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính);

Việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện - nếu có) và sử dụng dự phòng NSDP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Tình hình sử dụng dự phòng NSDP đến ngày 30/9/2023 (số đã sử dụng, số còn lại) và dự kiến sử dụng trong 3 tháng cuối năm 2023.

## **2. Xây dựng dự toán chi NSDP năm 2024**

Các huyện chủ động xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2024 trên cơ sở dự toán thu ngân sách huyện theo phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện năm 2024 bằng số dự toán giao năm 2023. Trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của địa phương, xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

a) Dự toán chi đầu tư phát triển:

Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, và các văn pháp luật có liên quan, xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của địa phương:

- Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước của ngân sách tỉnh phân cấp cho ngân sách thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; vốn bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo quy định; ưu tiên bố trí để giải phóng mặt bằng, đầu tư tạo quỹ đất bán đấu giá, phục vụ tái định cư sau đó mới bố trí các nhiệm vụ đầu tư phát triển khác.

b) Dự toán chi thường xuyên:

Dự toán chi NSDP được xây dựng căn cứ các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và giai đoạn 2021-2025 theo các Nghị quyết của Đảng, HĐND các cấp; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2021 theo Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn.

- Xây dựng dự toán chi ngân sách huyện chi tiết theo từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền.

- Dự toán chi về quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng.

- Năm 2024, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định, trong đó: tiếp tục thực hiện cơ chế tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn tăng thu ngân sách huyện (không kể thu tiền sử dụng đất; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã), bao gồm 70% tăng thu thực hiện so dự toán năm 2023, 50% tăng thu dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 được HĐND tỉnh giao; nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 còn dư; số thu được để lại theo chế độ năm 2024.

- Dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ năm 2024 yêu cầu báo cáo chi tiết theo từng chính sách, chế độ và thuyết minh cơ sở xác định, cách tính.

c) Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho NS cấp huyện:

- Dự toán kinh phí mục tiêu sự nghiệp do Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương; các nhiệm vụ chi do HĐND, UBND tỉnh ban hành chưa được dự toán trong định mức các lĩnh vực chi;

- Dự toán chi hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ, nhu cầu vốn cho công tác, sửa chữa lớn trụ sở và hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội; mua sắm, tăng cường cơ sở vật chất của các ngành, lĩnh vực.

d) Các huyện thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi ngân sách của các địa phương năm 2023.

đ) Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia:

Căn cứ Luật NSNN, Luật Đầu tư công, trên cơ sở các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, quy định phân công, phân cấp quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh, các văn bản hướng dẫn triển khai, số kiểm tra được thông báo, khả năng thực hiện năm 2023, UBND các huyện xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2024, chi tiết nhiệm vụ chi ĐTPT, chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, nguồn NSTW, NS tỉnh, NS huyện, nguồn lồng ghép các chương trình, đề án khác, các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có) gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chủ quản chương trình cùng báo cáo dự toán NSNN năm 2024.

### **3. Về số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2024:**

Số dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện bằng với số dự toán được HĐND tỉnh giao năm 2023. Riêng số kiểm tra dự toán thu, chi cân đối ngân sách huyện năm 2024, sau khi thống nhất số dự kiến giao thu với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính sẽ có thông báo sau.

Trong quá trình huyện xây dựng dự toán thu, đối với các khoản thu tại xã, thu khác ngân sách, thu phí lệ phí: đề nghị UBND các huyện có báo cáo đánh giá, phân tích chi tiết từng nội dung cụ thể dựa trên số thực hiện các năm 2021, 2022, ước thực hiện năm 2023 làm cơ sở thuyết minh để Sở Tài chính có cơ sở xem xét, giao dự toán năm 2024 phù hợp.

### **III. Về hệ thống biểu mẫu lập dự toán:**

Dự toán được lập theo hệ thống biểu mẫu tối thiểu đính kèm công văn này (file điện tử được cập nhật trên Website của Sở Tài chính) và các biểu mẫu bổ sung theo quy định của Luật NSNN và các biểu thuyết minh chi tiết khác.

### **IV. Tổ chức thực hiện:**

Sở Tài chính đề nghị UBND các huyện chỉ đạo Phòng Tài chính Kế hoạch phối hợp với Chi cục thuế và các đơn vị liên quan lập, tổng hợp dự toán của ngân sách cấp mình gửi Sở Tài chính trước ngày 29 tháng 9 năm 2023.

Sở Tài chính hướng dẫn để UBND các huyện biết, thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Cục thuế tỉnh (để phối hợp);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư ;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Lao động TB&XH;
- Ban Dân tộc;
- TT HĐND các huyện, TX, TP Huế;
- Phòng TCKH các huyện, TX, TP Huế;
- GD, các PGĐ Sở Tài chính;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu VT, QLNS.(40).



#### **GIÁM ĐỐC**




---



**DANH SÁCH BIỂU MẪU KÈM THEO HƯỚNG DẪN DỰ TOÁN 2024 - KHÔI HUYỆN**

STT	CÁC BIỂU CHI TIẾT KÈM THEO	Số biểu
1	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023	Biểu số 01-TH
2	TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN (ĐÃ ĐƯỢC ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN, XÃ)	Biểu số 02-TH
3	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ LIÊN QUAN ĐẾN CON NGƯỜI NĂM 2023 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2024	Biểu số 03-TH
4	DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ CHI TRỢ GIÚP CÁC ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI (ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2024)	Biểu số 04-TH
5	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DO HỌND TỈNH BAN HÀNH - ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2024	Biểu số 05-TH
6	TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024	Biểu số 06-DT
7	BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ	Biểu số 07-DT
8	BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TRỢ CẤP TẶNG THÊM NĂM 2024 CỦA CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÃ NGHỊ VIỆC HƯỜNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Biểu số 08-DT
9	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024	Biểu số: 09-DT
10	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024	Biểu số 10-DT
11	DỰ TOÁN HỖ TRỢ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TẠI ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024	Biểu số 11-DT
12	DỰ TOÁN KINH PHÍ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA LỚN TRƯỜNG HỌC NĂM 2024	Biểu số 12-DT
13	DỰ TOÁN KINH PHÍ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA LỚN TRỤ SỞ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2024	Biểu số 13-DT
14	TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH NĂM 2024	Biểu số 14-DT
15	DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH NĂM 2024	Biểu số 15-DT
16	TỔNG HỢP DỰ TOÁN VỀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA NĂM 2024	Biểu số 16-DT
17	DỰ TOÁN CHI TIẾT VỀ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA NĂM 2024	Biểu số 17-DT
18	TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2024	Biểu số 18-DT
19	DỰ TOÁN CHI TIẾT NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2024	Biểu số 19-DT
20	DỰ TOÁN CHI HOẠT ĐỘNG THU GOM VÀ VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT	Biểu số 20-DT
21	TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2024	Biểu số 21-DT
22	TỔNG HỢP BÁO CÁO VỀ BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023	Biểu số 22/DT





**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGUỒN BỔ SUNG CỘ MỤC TIÊU TỰ NGÂN SÁCH TỈNH CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023**

Biểu số 01-DT

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2023			Giải ngân đến 30/9/2023	Dự kiến giải ngân đến 31/12/2023	Trong đó: Số nộp trả ngân sách tỉnh (nếu có)	Chi chi
		Cộng	Nguyên năm trước chuyển sang	Số bổ trong dự toán (QĐ 2068)				
(A)	(B)	(1)=sum(a2:a3)	a	b	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b> (gồm các công trình, dự án đã bổ sung kế hoạch đầu tư công cấp huyện, xã) - Không gồm các CTMTQG							<i>Chi tiết theo hàng công trình tại Biên 02-DT</i>
1	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản cấp huyện bổ sung có mục tiêu theo tiêu chí							
2	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở							
3	Kinh phí đối ứng thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo và hộ cận nghèo (không các chương trình MTQG)							
4	Kinh phí chi hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội							
5								
<b>B</b>	<b>CHI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG</b>							
1	Chương trình Giảm nghèo bền vững							
1	Vốn Đầu tư phát triển							
2	Vốn sự nghiệp							
1	Chương trình Xây dựng Nông thôn mới							
2	Vốn Đầu tư phát triển							
1	Vốn sự nghiệp							
2	Chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN							
1	Vốn Đầu tư phát triển							
2	Vốn sự nghiệp							
1	Chi thường xuyên (Không gồm CTMTQG)							
1	Thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến con người							
2								
...								
II	Thực hiện các chính sách do HĐND tỉnh ban hành							
III	Chi dùng thường cơ sở vật chất, sửa chữa cơ quan, đơn vị, trường học (bao gồm đối mới chương trình, sách giáo khoa)							<i>Chi tiết tại biên 04-DT</i>
1								
2								
...								
IV	Thực hiện các công trình mang sự nghiệp kinh tế, công trình khác (không được đưa vào kế hoạch đầu tư công cấp huyện, xã)							
1								
2								
...								
V	Thực hiện các nhiệm vụ còn lại							
1	Kinh phí đảm bảo An toàn giao thông							
2	Chi hỗ trợ các mục tiêu còn thiếu nguồn							
...								

*Đơn vị: Triệu đồng*

... ngày ... tháng ... năm 2023  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN...**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



## TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN TÌNH BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU ĐỀ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN (ĐÃ ĐƯỢC ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN, XÃ)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN	THỜI GIAN KHỞI CÔNG HOÀN THÀNH	Tổng mức đầu tư	SỐ VỐN ĐƯỢC DUYẾT NĂM 2023	TRONG ĐÓ			GIÁ TRỊ KHỞI LƯƠNG ĐÃ THỰC HIỆN TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 30/09/2023	LŨY KẾ VỐN DỰ KIẾN BỔ TRỊ ĐẾN 31/12/2023		GIẢI NGÂN ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO			ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ NĂM 2024	GHI CHÚ (TÊN VĂN BẢN, ĐIỂM GIẢI...)
						NS TỈNH	NS HUYỆN	NGUỒN VỐN KHÁC		TRONG ĐÓ PHẦN NGÂN SÁCH TỈNH ĐÃ HỖ TRỢ	TỔNG SỐ	BỔ TRỊ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN	NGUỒN TÀI CHÍNH KIẾC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Nguồn bổ sung trong dự toán đầu năm															
1	Tên công trình A															
2	Tên công trình B															
3	.....															
II	Nguồn bổ sung ngoài dự toán															
1	Tên công trình A															
2	Tên công trình B															
3	.....															

Ghi chú: Tổng hợp tất cả các công trình, dự án có bố trí từ nguồn vốn Tỉnh bổ sung có mục tiêu (bao gồm vốn sự nghiệp) mà đã được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công cấp huyện, xã

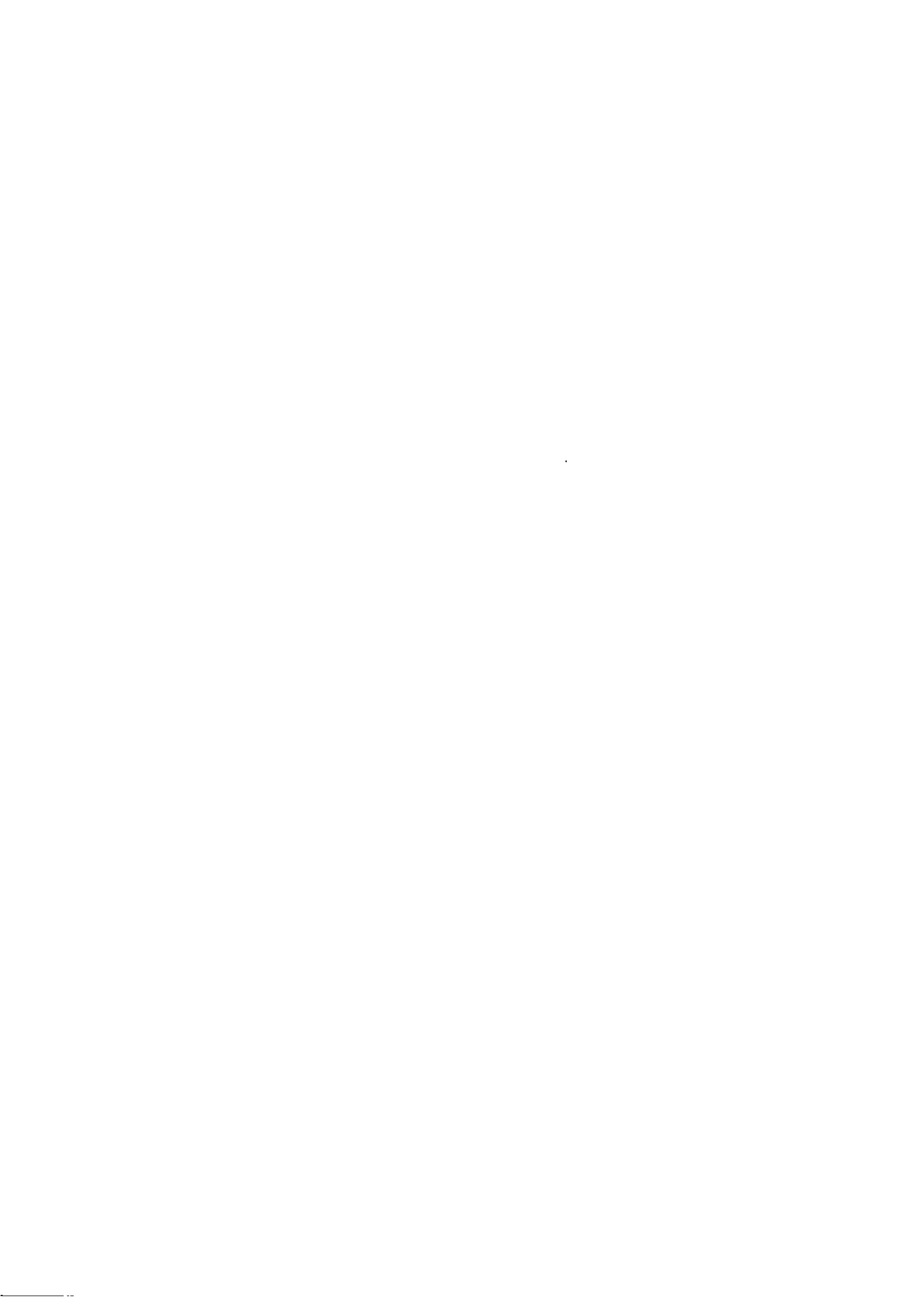
.... ngày ... tháng .... năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị: Tiểu đồng





STT	Chính sách, chế độ	Thực hiện năm 2022		Tình hình thực hiện năm 2023						Dự toán năm 2024			
		Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Tổng số	Số kinh phí đã bố trí			Tổng nhu cầu	Trong đó		
							Bố trí trong chi cận đối NS huyện (trường hợp ổn định)	NS tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2023 (nếu có)	Nguồn năm trước chuyển sang (nếu có)		Số đã bố trí trong chi cận NS huyện (nếu có)	Đề nghị bổ sung mục tiêu phần còn thiếu	
		Trong đó	Trong đó										
9	Chính sách bảo trợ xã hội, Luật Người cao tuổi và Luật Người khuyết tật (Tổng hợp từ biểu 5A/DT)												
10	Phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ công chức, viên chức công tác ở vùng ĐBKK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 8/10/2019 của Chính phủ												

Ghi chú: Các nội dung trên phải có biểu thuyết minh chi tiết về nhu cầu và kinh phí thực hiện theo đối tượng

...., ngày ... tháng ... năm 2023  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN...**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ CHI TRỢ GIÚP CÁC ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI  
(ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2024)**

Stt	Đối tượng BTXH theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Luật NCT, Luật NKT	ƯỚC THỰC HIỆN 2023				NHU CẦU NĂM 2024 (theo ND 20/2021/NĐ-CP)				Ghi chú
		Số đối tượng	Hệ số	Mức chi	KP thực hiện	Số đối tượng	Hệ số	Mức chi	KP thực hiện	
	<b>TỔNG CỘNG</b>									
<b>1</b>	<b>TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG</b>									
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng									
a	Dưới 4 tuổi									
b	Từ 4 tuổi trở lên									
2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học									
3	Trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo									
a	Dưới 4 tuổi									
b	Từ 4 đến dưới 16 tuổi									
4	Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc HN, HCN									
a	Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ nghèo không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 3, 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn									
b	Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc diện hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 3, 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn									
5	Người nhiễm HIV thuộc HN (từ đủ 16 tuổi trở lên)									
6	Người đơn thân thuộc hộ nghèo									
a	Đang nuôi 01 con									
b	Đang nuôi 02 con									
c	Đang nuôi 03 con									
d	Đang nuôi 04 con									
7	Người đơn thân thuộc HCN đang nuôi con									
a	Đang nuôi 01 con									
b	Đang nuôi 02 con									
c	Đang nuôi 03 con									
d	Đang nuôi 04 con									
8	Người cao tuổi									
a	Người cao tuổi nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi - Từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi - Từ đủ 80 tuổi trở lên									
b	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng									
c	Người cao tuổi từ đủ 75 đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo không thuộc diện quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (NCT thuộc hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng) đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn									
9	Người khuyết tật									
9.1	Người khuyết tật đặc biệt nặng									
a	NKT đặc biệt nặng									
b	NKT đặc biệt nặng là NCT, TE									

Stt	Đối tượng BTXH theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Luật NCT, Luật NKT	ƯỚC THỰC HIỆN 2023				NHU CẦU NĂM 2024 (theo ND 20/2021/NĐ-CP)				Ghi chú
		Số đối tượng	Hệ số	Mức chi	KP thực hiện	Số đối tượng	Hệ số	Mức chi	KP thực hiện	
9.2	Người khuyết tật nặng									
a	NKT nặng									
b	NKT nặng là NCT, TE									
II	<b>KINH PHÍ HỖ TRỢ CHĂM SÓC HÀNG THÁNG</b>									
1	Gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em dưới 16 tuổi mất nguồn nuôi dưỡng									
	- Dưới 04 tuổi									
	- Từ 04 đến dưới 16 tuổi									
2	NKT đặc biệt nặng, NKT nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi									
	- NKT ĐBN, NKT nặng đang mang thai hoặc nuôi một con dưới 36 tháng tuổi									
	- NKT ĐBN, NKT nặng đang mang thai và nuôi một con dưới 36 tháng tuổi;									
	- NKT ĐBN, NKT nặng đang nuôi từ hai con dưới 36 tháng tuổi trở lên									
4	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc NKT đặc biệt nặng									
	- Chăm sóc, nuôi dưỡng 1 NKT đặc biệt nặng									
	- Chăm sóc, nuôi dưỡng 2 NKT đặc biệt nặng									
	- Chăm sóc, nuôi dưỡng 3 NKT đặc biệt nặng									
	- Chăm sóc, nuôi dưỡng 4 NKT đặc biệt nặng									
5	Người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc NKT đặc biệt nặng									
a	Nuôi một người nếu là:									
	- <16 tuổi									
	- >=16 tuổi									
b	Nuôi hai người nếu là:									
	- <16 tuổi									
	- >=16 tuổi									
	- <16 tuổi; >=16 tuổi									
6	Nuôi dưỡng trong cơ sở BTXH									
	- Dưới 04 tuổi									
	- Từ 4 tuổi trở lên									
III	<b>HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG</b>									
1	Tại cộng đồng									
2	Tại các CSBTXH trực thuộc Sở LĐTBXH quản lý									
IV	<b>CHỨC THỌ MỪNG THỌ</b>									

PHÒNG LAO ĐỘNG TB&XH  
(Ký tên, đóng dấu)

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH  
(Ký tên, đóng dấu)



## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DO HĐND TỈNH BAN HÀNH - ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2023		Giải ngân đến 30/9/2023	Dự kiến giải ngân đến 31/12/2023	Nhu cầu năm 2024	Ghi chú	
		Cộng	Người ngân sách tỉnh bổ sung					Người ngân sách huyện cần đối
(A)	(B)	(1)=sum(a:b)	a	b	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng							Thực hiện Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND, ngày 09/7/2019 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025.
2	Kinh phí Phòng cháy chữa cháy giai đoạn 2021-2023							Thực hiện Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của HĐND tỉnh định về quy định trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2023 (phần ngân sách tỉnh đảm bảo năm 2023)
3	Hỗ trợ đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích đã được xếp hạng (năm ngoài Quần thể di tích Cổ đô Huế)							Thực hiện Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của HĐND tỉnh về hỗ trợ đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được xếp hạng (năm ngoài Quần thể di tích Cổ đô Huế) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.
4	Hỗ trợ đi đơi các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào cụm công nghiệp							Thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/01/2022 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ đi đơi các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025.
5	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã							Thực hiện Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2024. Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, HTX tỉnh giai đoạn 2021-2025.
6	Hỗ trợ chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp							Thực hiện Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 và Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của HĐND tỉnh về quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2025, đã bao gồm kinh phí hỗ trợ để thực hiện đề án chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ đã được UBND tỉnh phê duyệt.
7	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn đặc trưng và nhà rường cổ							Thực hiện Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 8/12/2022 của HĐND tỉnh về Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ, bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn đặc trưng, nhà rường cổ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

..... ngày ... tháng ... năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
A	B	I	4
<b>A</b>	<b>NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG</b>	-	
<b>I</b>	<b>Nguồn cải cách tiền lương đang theo dõi tại ngân sách huyện đến tháng 9/2023</b>	-	
1	Trong đó: 70% nguồn tăng thu thực hiện so với dự toán thu năm 2022		
2	10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2023		
3	Nguồn thu sự nghiệp để lại thực hiện cải cách tiền lương năm 2023		
<b>II</b>	<b>Ước huy động 70% tăng thu thực hiện so với dự toán thu năm 2023 (sau khi loại trừ các khoản không huy động theo quy định) để thực hiện cải cách tiền lương</b>		
<b>B</b>	<b>NHU CẦU THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2023</b>	-	
1	Thực hiện tăng lương cơ sở từ 1,49trđ lên 1,8trđ từ ngày 01/7/2023 đến hết tháng 12/2023		Có biểu thuyết minh chi tiết
2	Chi cho chính sách tinh giản biên chế năm 2023		
...	....		
<b>C</b>	<b>NHU CẦU CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024</b>	-	Tổng nhu cầu tại biểu 07-DT
1	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo		
	Trong đó:		
	- Giáo dục		
	- Đào tạo		
2	Sự nghiệp y tế		
3	Sự nghiệp khác		
4	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		
	<i>Trong đó: Cán bộ, công chức cấp xã</i>		
5	Hoạt động phi đại biểu HĐND các cấp		
6	Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy		
7	Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố		
8	Phụ cấp lực lượng dân quân tự vệ		
9	Quỹ phụ cấp tăng thêm của cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước		Chi tiết tại biểu 08
<b>D</b>	<b>NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG CÒN LẠI ĐẾN 31/12/2023</b>	-	=A-B
<b>E</b>	<b>CHÊNH LỆCH NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG CÒN LẠI ( SAU KHI BỔ TRÍ CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024)</b>	-	=D-C

...., ngày ... tháng .... năm 2023  
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN...  
**CHỦ TỊCH**  
 (Ký tên, đóng dấu)

STT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
-----	----------	----------	---------

**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THÂM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐÔI TƯỜNG LƯƠNG CÓ MẤT ĐẾN 01/7/2023	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 9/2023														CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCD (2)
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCD (2)	
							PHỤ CẤP KHIU VỤ	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VỤ/QT KHUONG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH (*)	PHỤ CẤP THƯ HƯT (**)	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM (***)	PHỤ CẤP CÔNG TÁC VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC DẶNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC		
1	2	3	4	5=6+7+18	6	7=8+...+17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)</b>																		
<b>I KHIU VỤC HCSN, DẶNG, ĐOÀN THỂ (3)</b>																		
<i>Trong đó:</i>																		
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																	
	- Giáo dục																	
	- Đào tạo																	
2	Sự nghiệp y tế																	
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																	
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																	
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																	
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																	
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																	
8	Hoạt động kinh tế																	
9	Sự nghiệp môi trường																	
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																	
	- Quản lý NN																	
	- Đảng, đoàn thể																	
<b>II CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ</b>																		
<b>III HOẠT ĐỘNG PHI ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP</b>																		
	+ Cấp tỉnh																	
	+ Cấp huyện																	
	+ Cấp xã																	
<b>IV PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY</b>																		

**QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐỒNG GÓP THIỀN 9/2023**  
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 38/2019/NĐ-CP

STT	NỘI DUNG	HẸN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THAM QUYỀN GIAO HOẶC PHÉ DUYỆT NĂM 2023	TỔNG SỐ ĐÔI TƯỢNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2023	TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẮC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐỒNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)	
							PHỤ CẤP KINH VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THIỀN NIÊN VƯỢT KHUÔNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÃNH (*)	PHỤ CẤP THU HƯT (**)	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM (**)	PHỤ CẤP CÔNG TÁC DANH	PHỤ CẤP THIỀN NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KINH VỰC			
	+ Ủy viên cấp tỉnh																	
	+ Ủy viên cấp huyện																	
	+ Ủy viên cấp xã																	
V	PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH																	
	+ Không chuyên trách cấp xã																	
	+ Không chuyên trách ở thôn, tế dân phố																	
VI	PHỤ CẤP LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ																	
...																		
...																		

Ghi chú:

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định. Không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức nguy hại

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%

(\*) Không hợp phụ cấp tại đất theo nghề đất với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ

(\*\*), (\*\*): Không tổng hợp phụ cấp đối với công chức, viên chức công tác tại tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội ĐBKK theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ

**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THIẢNG 9/2023  
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH , ĐẶC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)	CHIẾN LỆCH QUỸ PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THIẢNG	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2024	
				PHỤ CẤP KHIU VỤ	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUING	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGANH (*)	PHỤ CẤP THU HƯT (**)	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM (***)	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐANG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC				
1	2	19 = 20 + 21 + 32	20	21 = 22 + .. + 32	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33 = 19 - 5	34 = 33*12
<b>I KHIU VỤ HCSSN, ĐANG, ĐOÀN THỂ (3)</b>																	
<i>Trong đó:</i>																	
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																
	- Giáo dục:																
	- Đào tạo																
2	Sự nghiệp y tế																
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																
7	Sự nghiệp dân báo xã hội																
8	Hoạt động kinh tế																
9	Sự nghiệp môi trường																
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																
	- Quản lý NN																
	- Đảng, đoàn thể																
<b>II CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ</b>																	
<b>III HOẠT ĐỘNG PHÍ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP</b>																	
	+ Cấp tỉnh																
	+ Cấp huyện																
	+ Cấp xã																
<b>IV PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY</b>																	

**QUY TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THIÁNG 9/2023**  
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP

NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)	CHẾNH LỆCH QUY LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THIÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP NĂM 2024
				PHỤ CẤP KINH VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUONG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH (*)	PHỤ CẤP THỤ HƯT (**)	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM (***)	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC			
+ Ủy viên cấp tỉnh																
+ Ủy viên cấp huyện																
+ Ủy viên cấp xã																
<b>V NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH</b>																
+ Không chuyên trách cấp xã																
+ Không chuyên trách ở hơn, tổ dân phố																
<b>VI PHỤ CẤP LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ</b>																

**Ghi chú:**

- (1) Chi tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyển dụng
- (2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 3%
- (\*) Không tổng hợp phụ cấp ưu đãi theo nghề đãi với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ
- (\*\*) Không tổng hợp phụ cấp đãi với công chức, viên chức công tác tại tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ

... ngày... tháng... năm 2023  
**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



UBND huyện, thị xã, thành phố....

Biểu số 08-DT

**BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2024 CỦA CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÃ NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ NGƯỜI NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG ĐẾN 01/7/2023	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 44/2019/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2021/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 42/2023/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM THÁNG 1	QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM THÁNG 7	BẢO HIỂM Y TẾ TĂNG THÊM THÁNG 7	TỔNG QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2024
A	B	1	2	3	4	5=3-2	6 = 4 - 2	7 = 1 x 0,31 x 4,5%	8 = (5+6+7) x 12T
	<b>TỔNG SỐ</b>								
1	Nguyễn bí thư, chủ tịch.								
2	Nguyễn Phó bí thư, phó chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên, Thư ký UBND Thư ký UBND, xã đội trưởng								
3	Các chức danh còn lại								

..., ngày...tháng...năm...  
**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ**  
(Ký tên, đóng dấu)





TT	Nội dung	Thực hiện năm 2022	Năm 2023				Dự Toán 2024	%U'TH2023/DT tỉnh giao 2023	% DT 2024/ U'TH 2023
			Dự toán huyện giao	Dự toán tỉnh giao	Thực hiện 9 tháng	Ước thực hiện năm			
<i>b</i>	<i>Ngân sách huyện hương</i>								
10	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác								
11	Các khoản thu thuế từ đơn vị sự nghiệp huyện quản lý								
12	Tiền thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước								
<b>B</b>	<b>Thu viện trợ, huy động đóng góp</b>								
<b>C</b>	<b>Các khoản thu sự nghiệp, viện trợ, huy động đóng góp</b>								
1	Thu học phí trường công lập								
2	Thu viện trợ								
3	Thu huy động đóng góp tự nguyện								
4	Các khoản phí, lệ phí dè lại, khác (nếu có)								

....., ngày ... tháng ... năm 2022  
**T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

....., ngày ... tháng .... năm 2022  
**T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*





Stt	Chi tiêu	Thực hiện năm 2022	Dự toán tính giao năm 2023	Dự toán huyện giao năm 2023	Ước thực hiện 2023	Dự toán năm 2024	DT 2024 so với 2023		
							DT tỉnh giao 2023	DT huyện giao 2023	LTH 2023
đ	- Chi hỗ trợ các hội								
12	Chi đảm bảo xã hội								
13	Chi khác								
III	Chi tạo nguồn tiền lương								
IV	Dự phòng ngân sách								
B	Chi các chương trình, mục tiêu quốc gia								
1	- Vốn đầu tư phát triển								
2	- Vốn sự nghiệp								
C	Chi chuyển nguồn sang năm sau								

..... ngày ... tháng .... năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)





DỰ TOÁN HỖ TRỢ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TẠI ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN	THỜI GIAN KHOI CÔNG HOÀN THÀNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	SỐ VỐN ĐƯỢC ĐƯỠC ĐIỀU NĂM 2023	TRONG ĐÓ		1.ĐY KẾ VỐN DỰ KIẾN ĐO TRÍ ĐẾN 31/12/2023	GIẢI NGÂN ĐEN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO			DỰ KIẾN NGÂN SÁCH HUYỆN BỐ TRÍ NĂM 2024	DỀ NGHỊ NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ NĂM 2024	GHI CHÚ
							NS HUYỆN	NGUỒN VỐN KHÁC		TỔNG SỐ	NS HUYỆN	NGUỒN VỐN KHÁC			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Dự án A														
2	Dự án B														
3	.....														
3	.....														

Ghi chú



UBND huyện, thị xã, thành phố....

Biểu số 12-DT

**DỰ TOÁN KINH PHÍ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA LỚN TRƯỜNG HỌC NĂM 2024**

DVT: triệu đồng

STT	Tên trường	Thuộc địa bàn	Năm sửa chữa, bảo dưỡng gần nhất	Hiện trạng (hư hỏng, xuống cấp,...)	Phương án (bảo dưỡng, cải tạo, sửa chữa,...)	Dự toán kinh phí	Lũy kế vốn bố trí dự kiến đến 31/12/2023 (nếu có)	Dự toán bố trí vốn thực hiện năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>								
1	Trường A	Xã/phường							
2	Trường B	Xã/phường							
3	Trường C	Xã/phường							
...	Trường .....	Xã/phường							

...., ngày ... tháng .... năm 2023

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN...**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)



## DỰ TOÁN KINH PHÍ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA LỖN TRỤ SỞ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2024

DVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Năm sửa chữa gần nhất	Hiện trạng (hư hỏng, xuống cấp,...)	Phương án (bảo dưỡng, sửa chữa lớn,...)	Dự toán kinh phí	Lũy kế vốn bố trí dự kiến đến 31/12/2023 (nếu có)	Dự toán bố trí vốn thực hiện năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>						-	
1	Đơn vị A						-	
2	Đơn vị B				-		-	
3	Đơn vị C				-		-	
...	...				-		-	

...., ngày ... tháng ... năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



UBND huyện, thị xã, thành phố....

Biểu số 14-DT

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHO CƠ QUAN,  
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH NĂM 2024**

ĐVT: triệu đồng

STT	Loại thiết bị	Tổng số lượng (bó trí đủ nhu cầu theo quy định)	Số hiện có đến thời điểm báo cáo	Số còn thiếu	Trong đó: cần trang bị năm 2024		Ghi chú
					Số lượng	Dự toán	
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6
	Tổng cộng						
1	Thiết bị A						
2	Thiết bị B						
3	Thiết bị C						
...	....						

Ghi chú:

Chỉ báo nhu cầu các nhóm thiết bị còn thiếu; các thiết bị đã có đủ hoặc đã sắp xếp bố trí từ ngân sách huyện, xã thì không liệt kê vào nhu cầu nêu trên

...., ngày ... tháng ... năm 2023

**T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN...**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)





**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHO CƠ QUAN,  
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH NĂM 2024**

ĐVT: triệu đồng

STT	Loại thiết bị	Tổng số lượng (bố trí đủ nhu cầu theo quy định)	Số hiện có đến thời điểm báo cáo	Số còn thiếu  3=1-2	Trong đó: cần trang bị năm 2024		Ghi chú
					Số lượng	Dự toán	
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6
	<b>Tổng cộng</b>	-	-	-	-	-	
1	Đơn vị A	-	-	-	-	-	
	<i>Thiết bị 1</i>						
	<i>Thiết bị 2</i>						
	....						
2	Đơn vị B	-	-	-	-	-	
	<i>Thiết bị 1</i>						



UBND huyện, thị xã, thành phố....

Biểu số 16-DT

TỔNG HỢP DỰ TOÁN VỀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA NĂM 2024

DVT: Triệu đồng

STT	Loại thiết bị	Tổng số lượng (Đồ trí đủ nhu cầu theo quy định)	Số hiện có đến thời điểm báo cáo	Số còn thiếu	Trong đó: cần trang bị năm 2024		Ghi chú
					Số lượng	Dự toán	
A	TỔNG CỘNG	1	2	3=1-2	4	5	6
A	Khối tiêu học						Tổng hợp từ biểu số 17-DT
I	Các thiết bị dùng chung						
1	Thiết bị A						
2	Thiết bị B						
...	...						
II	Các thiết bị dùng riêng cho khối lớp 1, 2, 3, 4						Chỉ liệt kê cho các nhóm thiết bị còn thiếu
1	Thiết bị A						
2	Thiết bị B						
...	...						
B	Khối trung học cơ sở						Tổng hợp từ biểu số 17-DT
I	Các thiết bị dùng chung						
1	Thiết bị A						
2	Thiết bị B						
...	...						
II	Các thiết bị dùng riêng cho khối lớp 9						Lộ trình thực hiện từ năm học 2024-2025
1	Thiết bị A						

STT	Loại thiết bị	Tổng số lượng (bố trí đủ nhu cầu theo quy định)	Số hiện có đến thời điểm báo cáo	Số còn thiếu	Trong đó: cân trạng bị năm 2024		Ghi chú
					Số lượng	Dự toán	
2	Thiết bị B						
...							
III	Các thiết bị dùng riêng cho các khối lớp 6, 7, 8						
1	Thiết bị A						
2	Thiết bị B						
...							
C	Các thiết bị phụ vụ đổi mới chương trình, sách giáo khoa cho cấp huyện quản lý						Tổng hợp từ biểu số 17-DT
1	Thiết bị A						
2	Thiết bị B						
...							

Ghi chú:

Chỉ báo nhu cầu các nhóm thiết bị còn thiếu; các thiết bị đã có đủ hoặc đã sắp xếp bố trí từ ngân sách huyện, xã thì không liệt kê vào nhu cầu nêu trên

..... ngày ... tháng ... năm 2023  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN...**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**DỰ TOÁN CHI TIẾT VỀ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH,  
SÁCH GIÁO KHOA NĂM 2024**

STT	Loại thiết bị	Tổng số lượng (bố trí đủ nhu cầu theo quy định)	Số hiện có đến thời điểm báo cáo	Số còn thiếu	Trong đó: cần trang bị năm 2024		Ghi chú
					Số lượng	Dự toán	
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6
	<b>TỔNG CỘNG</b>						
<b>A</b>	<b>Khối tiểu học</b>						
<b>I</b>	<b>Các trang thiết bị dùng chung</b>						
1	Trường A <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
2	Trường B <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
	...						
<b>II</b>	<b>Các thiết bị dùng riêng cho khối lớp 5</b>						Lộ trình thực hiện từ năm học 2024-2025
1	Trường A <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
2	Trường B <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
	...						
<b>III</b>	<b>Các thiết bị dùng riêng cho khối lớp 1, 2, 3, 4</b>						
1	Trường A <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
2	Trường B <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
	...						
<b>B</b>	<b>Khối trung học cơ sở</b>						
<b>I</b>	<b>Các thiết bị dùng chung</b>						
1	Trường A <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
2	Trường B <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
	...						

STT	Loại thiết bị	Tổng số lượng (bố trí đủ nhu cầu theo quy định)	Số hiện có đến thời điểm báo cáo	Số còn thiếu	Trong đó: cần trang bị năm 2024		Ghi chú
					Số lượng	Dự toán	
<b>II</b>	<b>Các thiết bị dùng riêng cho khối lớp 9</b>						Lộ trình thực hiện từ năm học 2024-2025
1	Trường A <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
2	Trường B <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i> ...						
<b>III</b>	<b>Các thiết bị dùng riêng cho các khối lớp 6, 7, 8</b>						
1	Trường A <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
2	Trường B <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i> ...						
<b>C</b>	<b>Khối cấp 3 thuộc các đơn vị do cấp huyện quản lý</b>						
<b>I</b>	<b>Các thiết bị dùng chung</b>						
1	Trường A <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
2	Trường B <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
<b>II</b>	<b>Các thiết bị dùng riêng cho các khối lớp 10, 11, 12</b>						
1	Đơn vị A <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						
2	Trường B <i>Thiết bị 1</i> <i>Thiết bị ...</i>						

## TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2024

STT	Loại thiết bị	Tổng số lượng (bố trí đủ nhu cầu theo quy định)	Số hiện có đến thời điểm báo cáo	Số còn thiếu	Trong đó: cần trang bị năm 2023		Ghi chú
					Số lượng	Dự toán	
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6
	Tổng cộng						
1	Thiết bị A						
2	Thiết bị B						
3	Thiết bị C						
...	....						
Tổng hợp từ biểu số 19-DT							

Ghi chú:

- Chỉ báo nhu cầu các nhóm thiết bị còn thiếu; các thiết bị đã có đủ hoặc đã sắp xếp bố trí từ ngân sách huyện, xã thì không liệt kê vào nhu cầu nêu trên
- Ghi chú: Không tổng hợp các thiết bị đã có trong các trang thiết bị đời mới chương trình, sách giáo khoa ở Biểu số 16-DT

..., ngày ... tháng .... năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)





**DỰ TOÁN CHI TIẾT NHU CẦU KINH PHÍ  
TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2024**

STT	Loại thiết bị	Tổng số lượng (bố trí đủ nhu cầu theo quy định)	Số hiện có đến thời điểm báo cáo	Số còn thiếu	Trong đó: cần trang bị năm 2023		Ghi chú
					Số lượng	Dự toán	
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6
	<b>Tổng cộng</b>	-	-	-	-	-	
I	<b>Khối Mầm non</b>	-	-	-	-	-	
1	Trường A	-	-	-	-	-	
	Thiết bị 1						
	Thiết bị 2						
	....						
2	Trường B						
...	....						
II	<b>Khối Tiểu học</b>	-	-	-	-	-	
1	Trường A	-	-	-	-	-	
	Thiết bị 1						
	Thiết bị 2						
	....						
2	Trường B						
...	....						
III	<b>Khối THCS</b>	-	-	-	-	-	
1	Trường A	-	-	-	-	-	
	Thiết bị 1						
	Thiết bị 2						
	....						
2	Trường B						
...	....						
IV	<b>Trường Nội trú thuộc huyện quản lý và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện</b>	-	-	-	-	-	
1	Đơn vị A	-	-	-	-	-	
	Thiết bị 1						
	Thiết bị 2						
	....						
2	Đơn vị B						
...	....						



## DỰ TOÁN CHI HOẠT ĐỘNG THU GOM VÀ VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT

Dvc: Triệu Đông

Stt	Nội dung	Năm 2023				Năm 2024				Ghi chú
		Ước khối lượng thực hiện (tấn)	Dự toán kính phí (trđ)	Trong đó		Dự kiến khối lượng (tấn)	Dự toán kính phí (trđ)	Trong đó		
				Từ nguồn thu dịch vụ/giá	Ngân sách huyện bố trí			Từ nguồn thu dịch vụ/giá	Số ngân sách huyện bố trí	
1	Hoạt động thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt									
a	Chi hoạt động thu gom									Năm 2023, trường hợp đa đầu giá, ký hợp đồng chung cho 2 nhiệm vụ này thì gộp chung thì dễ nghị tách theo dự toán lập trước khi đầu giá. Tách phần chi phí xử lý chôn lấp xuống mục 2.a
b	Chi phí vận chuyển									
-	Chi vận chuyển theo hợp đồng đã ký kết chuyển đến bãi chôn lấp rác tập trung									
2	Chi phí vận chuyển phát sinh tăng thêm từ bãi chôn lấp rác hiện nay đến Nhà máy xử lý rác Phú Sơn (nếu có)									Thành phố Huế, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy, huyện Phú Vang và huyện Phú Lộc báo cáo nội dung này - Năm 2023 chi tạm tính từ tháng 9 đến tháng 12
a	Hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt									
b	Chôn lấp tại bãi rác tập trung									Thành phố Huế, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy, huyện Phú Vang và huyện Phú Lộc báo cáo nội dung này
3	Xử lý tại nhà máy Xử lý rác Phú Sơn									
	Chi mua sắm trang thiết bị bổ sung phục vụ tập kết rác (nếu có)									

..... ngày ... tháng ... năm .....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



UBND huyện, thị xã, thành phố....

Biểu số 21-DT

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2024**

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	-	
<b>I</b>	<b>Các nhiệm vụ chi do Trung ương quy định; kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu do Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương; các nhiệm vụ chi do HĐND, UBND tỉnh ban hành chưa được dự toán trong định mức các lĩnh vực</b>	-	
1	Thực hiện các chính sách của HĐND tỉnh		Biểu thuyết minh số 05-DT
2	Chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa		Có thuyết minh chi tiết tại biểu số ....
3	Chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi		Có thuyết minh chi tiết tại biểu số ....
4	Chính sách bảo tồn di sản văn hóa; các hoạt động văn hóa đặc thù, văn hóa dân gian; đội thông tin lưu động của các huyện miền núi		Có thuyết minh chi tiết tại biểu số ....
5	.....		...
<b>II</b>	<b>Chi các chính sách chế độ an sinh xã hội và các chính sách liên quan đến con người</b>	-	
1	Kinh phí bổ sung các chính sách chế độ an sinh xã hội còn thiếu nguồn (ngoài số đã bố trí ổn định cân đối ngân sách)		Biểu thuyết minh số 03-TH
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		Biểu thuyết minh số 07-DT và 08-DT
...	.....		...
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, nhu cầu chi về đầu tư phát triển; nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa lớn trường học, trụ sở cơ quan đơn vị</b>	-	
1	Thực hiện các dự án đầu tư công được ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2023 nhưng còn thiếu nguồn		Biểu thuyết minh số 02-TH
2	Thực hiện các dự án phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội		Biểu thuyết minh số 11-DT
3	Chi bảo dưỡng, sửa chữa trường học		Biểu thuyết minh số 12DT
4	Chi bảo dưỡng, sửa chữa trụ sở cơ quan, đơn vị trên địa bàn		Biểu thuyết minh số 13DT
...	.....		
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, nhu cầu tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy học, đổi mới chương trình sách giáo khoa cho ngành giáo dục và chi tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác cho cơ quan, đơn vị</b>	-	
1	Phục vụ đổi mới chương trình, sách giáo khoa thuộc các cơ sở giáo dục do cấp huyện quản lý		Biểu thuyết minh số 17-DT
2	Tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục		Biểu thuyết minh số 18-DT
2	Tăng cường cơ sở vật chất cơ quan đơn vị		Biểu thuyết minh số 15-DT

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
...	.....		
III	Các nhiệm vụ chi hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ khác	-	
1	Nội dung, nhiệm vụ A		Có thuyết minh chi tiết tại biểu số ....
2	Nội dung, nhiệm vụ B		Có thuyết minh chi tiết tại biểu số ....
...	...		
IV	Các nhiệm vụ chi khác	-	
1	Chi hoạt động thu gom, xử lý rác thải		Biểu thuyết minh số 20-DT
2	Nội dung, nhiệm vụ A		Có thuyết minh chi tiết tại biểu số ....
3	Nội dung, nhiệm vụ B		Có thuyết minh chi tiết tại biểu số ....
...	...		

....., ngày ... tháng .... năm 2023  
**TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ.....**  
**CHỦ TỊCH**  
 (Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP BÁO CÁO VỀ BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2023

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Biên chế công chức cấp huyện				Trong đó										Biên chế cán bộ công chức cấp xã theo định mức quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số người làm việc theo hợp đồng lao động
			Biên chế QLNN	Cơ quan Đảng, đoàn thể	Hội Đặc thù	Tổng biên chế sự nghiệp	Viên chức trong cơ quan hành chính	Viên chức trong đơn vị sự nghiệp khác	Sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	Khởi nhân non	Khởi nhân học	Khởi THCS	Trung tâm GDNN-GTX	Trường dân tộc nội trú				
A	B	1=2+3+4+5+9	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8=sum(8a:8e)	8a	8b	8c	8d	8e	9	10		
A	Số biên chế cơ quan có thẩm quyền được giao năm 2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
B	Số biên chế cơ mật đến tháng 9/2023	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		

Ghi chú:

Số liệu biên chế, hợp đồng lao động tính đến thời điểm tháng 9/2023

... ngày ... tháng ... năm 2023  
 TM. ỦY BAN NHÂN DẪN...  
 CHỦ TỊCH  
 (Ký tên, đóng dấu)

